

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09/01/2025

V/v “ ly hôn, tranh chấp nuôi con ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Quốc Sửu

2. Ông: Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Văn Quang – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Hà Đăng Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 367/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 184/QĐST-HNGĐ, ngày 26/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi thường trú: Thôn 284, xã Q, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: thôn Tân Trung, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H vào ngày 05 tháng 01 năm 2017, có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01 năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H chơi bời cờ bạc, không tu trí làm ăn, không quan tâm tới vợ, con, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng anh H không thay đổi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2023 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được chị T xin ly hôn anh H;

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung Nguyễn Trang M, sinh ngày 18/6/2017, Nguyễn Trí A, sinh ngày 13/03/2019, các con chung khỏe mạnh,

phát triển bình thường, từ nhỏ đến nay 02 con vẫn ở với chị T. Nay ly hôn chị xin được nuôi cả 02 con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/1 tháng cho hai con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh H trình bày, anh kết hôn với chị T năm 2016, có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên không thể chung sống với nhau được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Trang M, sinh năm 2017 và Nguyễn Trí A, sinh năm 2019. Như chị T trình bày là đúng 02 cháu hiện đang ở với chị T. Khi ly hôn anh xin nuôi chung là Nguyễn Trí A, để chị T nuôi con chung là Nguyễn Trang M, cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu giải quyết. Trường hợp Tòa án giao cả 2 con cho chị T nuôi anh cũng nhất trí tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi con 1.500.000đ/1 tháng cho đến khi từng con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh không có nên không yêu cầu giải quyết.

Vì lý do cá nhân anh không về giải quyết việc việc ly hôn được, anh xin được vắng mặt các buổi làm việc và phiên tòa xét xử.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật. Không đến làm việc, không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1, Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

Về quan hệ hôn nhân. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Vũ Thị T. Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị T được nuôi 02 con chung là Nguyễn Trang M, sinh ngày 18/6/2017; và Nguyễn Trí A, sinh ngày 13/03/2019; anh H cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đồng/1 tháng đến khi từng con tròn 18 tuổi. Tiền cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày

01/02/2025; Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở.

Về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: chị T, anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết;

Về tiền án phí: chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn theo quy định.

Anh H phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con .

Về quyền kháng cáo. đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn là anh Nguyễn Văn H, xác định quan hệ tranh chấp "ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con". Bị đơn anh Nguyễn Văn H có nơi thường trú xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1, Điều 228; Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện: Chị Vũ Thị T kết hôn cùng với anh Nguyễn Văn H vào ngày 05/01/2017, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại điều 9 luật hôn nhân & gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2028 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H mãi chơi, không tu trí làm ăn, không quan tâm tới vợ, con đã được gia đình hoà giải nhưng anh H không thay đổi vợ chồng đã sống ly thân. Chấm dứt mọi quan hệ từ năm 2023 đến nay. Nay chị T xin ly hôn, anh H nhất trí; Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt được việc chị T xin ly hôn là có căn cứ. Cần chấp nhận đơn ly hôn của chị Vũ Thị T. Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh H có 02 con chung là Nguyễn Trang M, sinh ngày 18/6/2017 và Nguyễn Trí A, sinh ngày 13/03/2019; nay ly hôn chị T xin được nuôi cả 2 con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con mỗi con là 1.500.000đ/ tháng. Phía anh H cũng xin nuôi một con chung trường hợp Tòa án giao cả 2 con chung cho chị T nuôi, anh cũng đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi con là 1.500.000đ/ tháng

Xét thấy: anh H trước đây trong quân ngũ, các con chung đều ở với chị T, chị T vẫn chăm sóc các con chung đảm bảo, các cháu nay còn nhỏ đang ở ổn

định với chị T, việc tách các cháu ra để giao cho mỗi người nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu, Do vậy không cần thiết xác trộn cuộc sống đang ổn định của các con chung; Vì vậy cần giao 2 con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế.

Về cấp dưỡng nuôi con chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai con là 3.000.000đồng/1 tháng, anh H nhất trí tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 3.000.000đồng cho 2 con; Xét thấy đây là sự tự nguyện của anh H, mức cấp dưỡng này phù hợp với chi phí thực tế và điều kiện sống tại địa phương. Do vậy cần chấp nhận sự tự nguyện của các bên. Về tiền cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/02/2025 đến khi từng con chung đủ 18 tuổi,

Về quyền thăm con: Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị T, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tiền án phí: chị T là người làm đơn ly hôn nên phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh H phải chịu 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 khoản 1, Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

1. Về quan hệ hôn nhân. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Vũ Thị T. Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị T nuôi 02 con chung là Nguyễn Trang M, sinh ngày 18/6/20127, Nguyễn Trí A, sinh ngày 13/03/2019 anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000. đồng, đến khi từng con chung tròn 18 tuổi, tiền cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/02/2025; Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, chị T, anh H không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về tiền án phí: chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo

biên lai số 0007181 ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, thì ngoài số tiền phải trả bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- UBND Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh